

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN KIM NGẠCH XUẤT KHẨU GỖ VIỆT NAM: PHÂN TÍCH BẰNG MÔ HÌNH TRỌNG LỰC

Nguyễn Văn Dũng^{1*}, La Bảo Khanh¹

¹Trường Kinh doanh, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: Email: dungnv@ueh.edu.vn

Ngày nhận: 17/02/2025 Ngày chấp nhận: 05/09/2025 Ngày đăng: 25/06/2026

DOI: 10.52932/jfmr.v17i3.763

Phụ lục 1. Bảng tổng hợp các biến trong nghiên cứu

STT	Biến	Giải thích biến	Đo lường	Kỳ vọng	Loại biến	Nguồn dữ liệu
1	EXV _{jt}	Kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam sang nước j trong năm t	1.000 USD	n/a	Biến phụ thuộc	ITC
2	GDP _{VNt}	GDP của Việt Nam năm t	1.000 USD	+	Biến độc lập	World Bank
3	GDP _{jt}	GDP của các nước nhập khẩu đồ gỗ từ Việt Nam năm t	1.000 USD	+	Biến độc lập	World Bank
4	POP _{VNt}	Dân số của Việt Nam vào năm t	Người	+	Biến độc lập	World Bank
5	POP _{jt}	Dân số của các nước nhập khẩu đồ gỗ vào năm t	Người	+	Biến độc lập	World Bank
6	DIST _j	Khoảng cách từ Việt Nam đến các nước nhập khẩu gỗ của Việt Nam	Km	-	Biến độc lập	distancecalculator. globefeed.com
7	CPTPP _j	Thể hiện CPTPP có hiệu lực vào năm t	Biến dummy (1 = CPTPP có hiệu lực, 0 = CPTPP không có hiệu lực)	+	Biến độc lập	CPTPP
8	NL _{VNt}	Nguồn nguyên liệu cho sản xuất đồ gỗ Việt Nam trong năm t; tỷ lệ % độ phủ của rừng tại Việt Nam qua từng năm	%	+	Biến độc lập	AGROINFO
9	LAND _j	Vị trí địa lý giáp biển của nước J, nhận giá trị 1 nếu giáp biển, và ngược lại 0	Biến dummy (1 = giáp biển, 0 = không giáp biển)	+	Biến độc lập	Google Map
10	LPI _{jt}	Chỉ số năng lực Logistics (Logistics Performance Index) quốc gia j năm t	Từ 0 đến 5	+	Biến độc lập	World Bank

Phụ lục 2. Thống kê mô tả

Biến	Đo lường	Trung bình	Lhô nhất	Lớn nhất
GDP Việt Nam trong năm t	1.000 USD	199.891.361	39.552.513	408.802.379
GDP các nước j trong năm t	1.000 USD	1.009.566.354	6.557.397	6.272.362.996
Dân số Việt Nam	Người	89.831.683	81.475.825	98.186.856
Dân số các nước CPTPP	Người	38.886.464	354.045	128.070.000
Khoảng cách địa lý	Km	8.546,01	1.273,15	19.364,89
Tỷ lệ che phủ rừng ở Việt Nam	%	0,39967	0,361	0,4202
Năng lực Logistics của các nước CPTPP	Từ 0 đến 5	3,47	2,69	4,30
Kim ngạch xuất khẩu gỗ qua các nước CPTPP	1.000 USD	50.175,46	0	1.294.140

Phụ lục 3. Tương quan biến

	GDP_{vnt}	GDP_{jt}	POP_{vnt}	POP_{jt}	DIST_{jt}	CPTPP_j	NL_{vnt}	LPI_{jt}
GDP_{vnt}	1.000							
GDP_{jt}	0.170	1.000						
POP_{vnt}	0.977	0.158	1.000					
POP_{jt}	0.041	0.859	0.042	1.000				
DIST_{jt}	0.000	0.295	0.000	0.476	1.000			
CPTPP_j	0.451	0.230	0.542	0.127	0.043	1.000		
NL_{vnt}	0.990	0.170	0.967	0.041	-0.000	0.437	1.000	
LPI_{jt}	-0.026	0.559	-0.028	0.198	-0.243	0.162	-0.027	1.000
EXV_{jt}	0.453	0.574	0.428	0.356	-0.288	0.257	0.476	0.562

Phụ lục 4. Kết quả phân tích hệ số phóng đại phương sai VIF

Biến	VIF
GDP_{vnt}	75,35
GDP_{jt}	51,36
POP_{vnt}	32,75
POP_{jt}	12,81
DIST_{jt}	8,68
CPTPP_j	3,55
NL_{vnt}	1,93
LPI_{jt}	1,56

Phụ lục 5. Kết quả phân tích VIF sau khi loại biến

Biến	VIF
POP_{jt}	1,50
DIST_{jt}	1,53
CPTPP_j	1,26
LPI_{jt}	1,04

Phụ lục 6. Kiểm định White về phương sai sai số thay đổi

Thống kê kiểm định	Giá trị
Chi-squared (13)	7.29
P-value	0.8867
Mức ý nghĩa thống kê	5%

Phụ lục 7. Kiểm định tự tương quan (Wooldridge Test) trong dữ liệu bảng

Thống kê kiểm định	Giá trị
Giả thuyết H ₀	Không có tự tương quan bậc 1
F (1, 9)	41.170
Prob > F	0.0001
Mức ý nghĩa thống kê	5%
Kết luận	Bác bỏ H ₀ – Có hiện tượng tự tương quan

Phụ lục 8. Kết quả kiểm định Hausman

Biến	Hệ số FEM	Hệ số REM	Chênh lệch	Sai số chuẩn
POP_{jt}	19.48214	1.219489	18.26266	2.779682
CPTPP_j	-0.0252587	1.930378	-1.955636	0.1877957
LPI_{jt}	4.292811	9.82433	-5.531519	6.514509

Pro > chi2 = 0.0000

Phụ lục 9. Kiểm định phương sai sai số và tự tương quan

Kiểm định	Chỉ số	Giá trị P	Kết luận
Wooldridge test	F = 41.170	0,0001	Có tự tương quan
Modified Wald test for groupwise heteroskedasticity	Chi2 = 2553.12	0,0000	Phương sai sai số không đồng nhất